

Bản án số: **128/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/06/2026

*V/v Tranh chấp yêu cầu Tòa án
không công nhận quan hệ vợ chồng
chia tài sản chung.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vinh**

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Diệu**
2. Ông **Trần Hoàng Bảy**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**, Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ: Ông **Nguyễn Vũ Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/06/2026, tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2026 về “*Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Châu Thăng L**, sinh ngày 11/08/1964 (xin vắng mặt).
CCCD số: 094064009966.

Địa chỉ: **Ấp P, xã P, TP Cần Thơ.**

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).
CCCD số: 094171006605

- Địa chỉ: **Ấp P, xã P, TP Cần Thơ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, nội dung vụ án được xác định như sau:

[1] Ông **Châu Thăng L** trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau: Ông **Châu Thăng L** và bà **Nguyễn Thị K** quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1990, nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con

chung tên **Châu Đức K1**, sinh ngày: 05/03/1992 và **Châu Thiên N**, sinh ngày: 20/02/1995 hiện nay 02 con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng

Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, gần đây vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Bà **K** thường xuyên bạo lực tinh thần ông **Châu Thăng L**, mỗi khi vợ chồng có cự cãi bà **K** lấy quần áo ra đốt, rồi cầm dao dọa chém ông **Châu Thăng L**. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay không hàn gắn được. Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa ông **Châu Thăng L** và vợ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **Châu Thăng L** yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận ông **Châu Thăng L** với bà **Nguyễn Thị K** là vợ chồng hợp pháp.

Về con chung: Do 02 con chung tên **Châu Đức K1**, sinh ngày: 05/03/1992 và **Châu Thiên N**, sinh ngày: 20/02/1995 hiện nay đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường về mặt thể chất lẫn tinh thần nên ông **Châu Thăng L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

Trong quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung như sau:

01 phần đất có thửa đất số 578, tờ bản đồ số 4, diện tích: 171m², đất tọa lạc tại **ấp P, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ)**. Đất được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng (cũ) cấp GCNQSDĐ số BA 316525, cấp ngày: 18/03/2010, cấp cho ông **Châu Thăng L** và bà **Nguyễn Thị K**, phần đất có giá trị thị trường khoảng 600.000.000 đồng. Ông **Châu Thăng L** yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản chung nêu trên, ông **Châu Thăng L** xin nhận giá trị tài sản chung bằng tiền tương đương với 50% giá trị đất là 300.000.000 đồng, ông **Châu Thăng L** đồng ý giao lại phần đất cho bà **K** khi ông **Châu Thăng L** đã nhận đủ số tiền. Trên phần thửa đất 578, tờ bản đồ số 4 này có 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên đất, ngôi nhà có chiều ngang khoảng 5 mét, chiều dài 15 mét, diện tích khoảng 75m², nhà xây vách tường 10, mái lợp tol, nền lót gạch bông. Giá trị xây dựng vào năm 2019 là 250.000.000 đồng, giá trị còn lại hiện tại khoảng 150.000.000 đồng. Ông **Châu Thăng L** yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản chung là ngôi nhà nêu trên, ông **Châu Thăng L** xin nhận giá trị tài sản chung bằng tiền tương đương với 50% giá trị nhà là 75.000.000 đồng, ông **Châu Thăng L** đồng ý giao lại phần đất cho bà **K** khi ông **Châu Thăng L** đã nhận đủ số tiền. Tổng số tiền ông **Châu Thăng L** được chia đôi với phần đất và ngôi nhà nêu trên theo giá trị thị trường là 300.000.000 đồng + 75.000.000 đồng = 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

01 phần đất có thửa đất số 25, tờ bản đồ số 53, diện tích: 3.126,2m², đất tọa lạc tại **ấp P, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ)**. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S (cũ) cấp GCNQSDĐ số CX 639841, cấp ngày: 27/04/2021, cấp cho ông **Châu Thăng L** và bà **Nguyễn Thị K**, phần đất có giá trị thị trường khoảng 900.000.000 đồng. yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản chung nêu trên, ông **Châu Thăng L** xin nhận giá trị tài sản chung bằng hiện vật tương đương với 50% diện tích đất là 1.563,1m², ông **Châu Thăng L** đồng ý giao lại 50% diện tích đất còn lại cho bà **K**.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được số vàng là 18 chỉ vàng 24K_r (có giá trị tạm tính là 18 chỉ vàng 24K_r x 16.050.000 đồng/ chỉ vàng 24K_r = 288.900.000 đồng), số vàng này hiện nay do bà Nguyễn Thị K quản lý, cất giữ. Ông Châu Thăng L yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản chung nêu trên, ông Châu Thăng L xin nhận giá trị tài sản chung bằng tiền tương đương với 50% giá trị vàng là: 144.450.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Về nợ chung: ông Châu Thăng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tuy nhiên, đến ngày 04/6/2026 ông Châu Thăng L có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp về chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chỉ yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về quan hệ hôn nhân giữa ông Châu Thăng L và bà Nguyễn Thị K theo hướng không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị K và ông Châu Thăng L. Về con chung: Các con đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên bà Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Theo Tờ trình và biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2026 thì bà Nguyễn Thị K có ý kiến như sau: Bà Nguyễn Thị K cũng thừa nhận vợ chồng có tài sản nêu trên, tuy nhiên ngoài ra bà Nguyễn Thị K có trình bày bổ sung về việc chia tài sản chung là 03 chiếc xe máy do ông Châu Thăng L đứng tên.

[4] Tuy nhiên, ngày 08/6/2026 bà Nguyễn Thị K được biết là ông Châu Thăng L đã rút lại phần tranh chấp về tài sản chung nên bà Nguyễn Thị K cũng đồng ý việc ông Châu Thăng L rút lại yêu cầu nêu trên; bà cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung mà các vấn đề này sẽ do các bên tự thỏa thuận. Bà Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị K và ông Châu Thăng L theo hướng không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị K và ông Châu Thăng L. Về con chung: Các con đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên bà Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Do các bên không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phát biểu ý kiến với những nội dung chủ yếu như sau: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, Hội đồng xét xử (ghi tắt là HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về tài sản chung*”.

Do bị đơn cư trú tại **xã P, thành phố Cần Thơ** nên Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, ông **Châu Thăng L** và bị đơn bà **Nguyễn Thị K** vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Châu T** có đơn thay đổi đơn khởi kiện, nội dung là rút lại yêu cầu chia tài sản chung là 01 phần đất thửa đất số 578, tờ bản đồ số 4, diện tích: 171m², tại **ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ**; 01 phần đất có thửa đất số 25, tờ bản đồ số 53, diện tích: 3.126,2m², đất tọa lạc tại **ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ**; 18 chỉ vàng 24Kr. Xét thấy, nguyên đơn rút lại nội dung chia tài sản chung và bị đơn **Nguyễn Thị K** có ý kiến là không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp các tài sản chung nêu trên; đồng thời, thì bị đơn **Nguyễn Thị K** cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về chiếc xe máy (03 chiếc xe máy rút lại trước khi Tòa án thụ lý phản tố). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đình chỉ xét xử đối với việc nguyên đơn rút lại phần tranh chấp về tài sản chung nêu trên. Trường hợp, sau này nếu các bên có tranh chấp về tài sản chung sẽ được xem xét, thụ lý thành vụ án khác.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông **Châu Thăng L** và bà **Nguyễn Thị K** chung sống với nhau từ năm 1990 trên tinh thần tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc chung sống như vợ chồng giữa các bên không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, và quan hệ hôn nhân này cũng không hợp pháp. Từ việc hôn nhân được xem là không hợp pháp nên khi có yêu cầu giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án không xem xét mâu thuẫn của các bên để khuyến khích hòa giải đoàn tụ, hàn gắn theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận vợ chồng giữa ông **Châu Thăng L** với bà **Nguyễn Thị K**.

[4] Về con chung: 02 con chung tên **Châu Đức K1**, sinh ngày: 05/03/1992 và **Châu Thiên N**, sinh ngày: 20/02/1995 hiện nay 02 con đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có cuộc sống riêng. Do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, cấp dưỡng giữa vợ chồng: Không có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí vì là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238; khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 271, 272, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Châu Thăng L** như sau:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông **Châu Thăng L** với bà **Nguyễn Thị K**.

Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con, cấp dưỡng giữa vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2] Đình chỉ xét xử đối với việc nguyên đơn rút lại các yêu cầu giải quyết tranh chấp về tài sản chung như sau:

- Thửa đất số 578, tờ bản đồ số 4, diện tích: 171m², đất tọa lạc tại **ấp P, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ)**, đất được **Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng (cũ)** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 316525, cấp ngày: 18/03/2010, cấp cho ông **Châu Thăng L** và bà **Nguyễn Thị K**;

- 01 phần đất có thửa đất số 25, tờ bản đồ số 53, diện tích: 3.126,2m², đất tọa lạc tại **ấp P, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ)**. Đất được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S (cũ)** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 639841, cấp ngày: 27/04/2021, cấp cho ông **Châu Thăng L** và bà **Nguyễn Thị K**

- 18 chỉ vàng 24Kara.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại phần về tài sản chung nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn **Châu Thăng L** được miễn án phí.

Bị đơn **Nguyễn Thị K** không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
THẨM

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND cùng cấp;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phong Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vinh